

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 10/2026**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

Thời gian : 18h15 - 16/10/2026 - Phòng : 128 - Cơ sở: 209 Phan Thanh

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN           | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP     | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|---------------------|------------|------------|---------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                     |            |            |         |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 30212364464 | Bùi Văn An          | 03/05/2006 | Đà Nẵng    | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 29214153579 | Tạ Nhật Anh         | 07/07/2005 | Quảng Trị  | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 29208124676 | Nguyễn Thị Bình     | 25/07/2005 | Quảng Ngãi | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 29208157389 | Nguyễn Thị Tùng Chi | 05/03/2005 | Đà Nẵng    | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 29218160767 | Nguyễn Tiến Chiến   | 19/06/2005 | Bình Định  | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 29204659756 | Bùi Thị Mỹ Chinh    | 07/03/2005 | Đà Nẵng    | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 29214557223 | Lê Huỳnh Đức        | 11/02/2005 | Đà Nẵng    | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 29208157365 | Lê Thị Thùy Dung    | 05/03/2005 | Đà Nẵng    | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 29208145970 | Hồ Đăng Mỹ Duyên    | 18/03/2005 | Đà Nẵng    | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 29208122223 | Cao Thị Kim Hiền    | 28/11/2005 | Quảng Ngãi | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 29214626093 | Trần Anh Khang      | 14/06/2005 | Gia Lai    | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 29204642782 | Lê Thị Nhật Lệ      | 13/08/2005 | Gia Lai    | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 29204641133 | Nguyễn Thị Lợi      | 07/04/2005 | Đà Nẵng    | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 29208151131 | Nguyễn Thị Ý Nhi    | 19/11/2005 | Đà Nẵng    | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 29208163344 | Hồ Thị Tuyết Nhi    | 22/10/2005 | Quảng Trị  | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 29204657838 | Trần Thị Mỹ Phụng   | 22/10/2005 | Đà Nẵng    | 32CSC5  |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 28206601574 | Mai Hoàng Ngọc Ánh  | 28/10/2004 | Quảng Bình | 31TBN16 |       |        |        |      |     | Thi lại |
| 18 | 28206801932 | Trịnh Minh Ánh      | 27/03/2004 | Kon Tum    | 31TBN16 |       |        |        |      |     | Thi lại |
| 19 | 28204649834 | Đào Ngọc Anh Thư    | 09/01/2003 | Đà Nẵng    | 31TBN3  |       |        |        |      |     | Thi lại |
| 20 | 30212356988 | Lê Tất Trung Hiếu   | 21/06/2006 | Đà Nẵng    | 32CBN4  |       |        |        |      |     | Thi lại |
| 21 | 28214632280 | Đinh Quốc Ngọc      | 31/07/2004 | Đà Nẵng    | 32CHT5  |       |        |        |      |     | Thi lại |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

LẬP BẢNG

GIÁM THI 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 10/2026**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 16/10/2026 - Phòng : 129 - Cơ sở: 209 Phan Thanh*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | NƠI SINH       | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|-----------------------|------------|----------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                       |            |                |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 29204643122 | Lê Thị Như Quỳnh      | 01/05/2005 | Quảng Trị      | 32CSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 29214623650 | Nguyễn Thành Tâm      | 26/06/2005 | Đắk Lắk        | 32CSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 29208163253 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 16/06/2005 | Đà Nẵng        | 32CSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 29214562466 | Trần Viết Minh Thuận  | 12/02/2005 | TP Huế         | 32CSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 29208138446 | Võ Lê Thanh Trúc      | 21/10/2005 | Gia Lai        | 32CSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 29214556817 | Lê Quang Tùng         | 01/01/2005 | Đà Nẵng        | 32CSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 29214565462 | Đỗ Trảng Vinh         | 01/03/2004 | Đà Nẵng        | 32CSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 29204544164 | Lê Hạnh Vy            | 01/10/2005 | Gia Lai        | 32CSC5 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 29215164981 | Nguyễn Văn Chương     | 26/06/2005 | Đà Nẵng        | 32SBN6 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 25212107432 | Phạm Quang Đăng       | 03/03/2001 | Quảng Nam      | 32SBN6 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 29204459706 | Trần Thị Hà           | 07/09/2005 | Gia Lai        | 32SBN6 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 29204620278 | Nguyễn Phan Tú Hằng   | 21/08/2005 | Hà Tĩnh        | 32SBN6 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 28208030147 | Nguyễn Thị Bích Hiền  | 05/05/2004 | Đà Nẵng        | 32SBN6 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 29204634341 | Lê Thị Mỹ Lệ          | 03/01/2005 | Đắk Lắk        | 32SBN6 |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 29204355785 | Hồ Triệu Mẫn          | 16/12/2005 | Khánh Hòa      | 32SBN6 |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 29204238962 | Võ Lê Hồng Ngọc       | 26/03/2005 | Quảng Ngãi     | 32SBN6 |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 29214554891 | Trần Đình Nguyên      | 18/09/2005 | Đắk Lắk        | 32SBN6 |       |        |        |      |     |         |
| 18 | 29206552813 | Phạm Thị Thảo Nhi     | 22/06/2005 | Gia Lai        | 32SBN6 |       |        |        |      |     |         |
| 19 | 30204722702 | Đặng Thị Yến Nhi      | 30/03/2006 | Quảng Trị      | 32SBN6 |       |        |        |      |     |         |
| 20 | 29204641535 | Trần Thị Hồng Nhung   | 13/06/2005 | Đắk Lắk        | 32SBN6 |       |        |        |      |     |         |
| 21 | 28208450059 | Đinh Thuý Hà          | 24/07/2004 | Thừa Thiên Huế | 32CYC4 |       |        |        |      |     | Thi lại |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THI 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 10/2026**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 16/10/2026 - Phòng : 207 - Cơ sở: 209 Phan Thanh*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN          | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|--------------------|-----------|------------|------------|--------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                    |           |            |            |        |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 29204542027 | Hồ Thị Thanh       | Quyên     | 19/03/2005 | Đà Nẵng    | 32SBN6 |        |        |      |     |         |
| 2  | 28202706248 | Trần Thị Như       | Quỳnh     | 05/10/2004 | Hà Tĩnh    | 32SBN6 |        |        |      |     |         |
| 3  | 29204721817 | Lê Minh            | Tâm       | 29/01/2005 | Đà Nẵng    | 32SBN6 |        |        |      |     |         |
| 4  | 29214627356 | Lê Quang Đức       | Thắng     | 18/11/2005 | Quảng Trị  | 32SBN6 |        |        |      |     |         |
| 5  | 29204659886 | Nguyễn Phương      | Thảo      | 19/05/2005 | Đà Nẵng    | 32SBN6 |        |        |      |     |         |
| 6  | 29204822583 | Nguyễn Thị         | Tính      | 09/08/2005 | Gia Lai    | 32SBN6 |        |        |      |     |         |
| 7  | 29204547325 | Nguyễn Thị Ngọc    | Trâm      | 10/12/2005 | Đà Nẵng    | 32SBN6 |        |        |      |     |         |
| 8  | 29201120957 | Trần Kiều          | Trang     | 23/08/2005 | Quảng Ngãi | 32SBN6 |        |        |      |     |         |
| 9  | 29204621696 | Lê Thị Thanh       | Trúc      | 25/01/2005 | Đà Nẵng    | 32SBN6 |        |        |      |     |         |
| 10 | 29204655113 | Cao Thị Thanh      | Trúc      | 28/06/2005 | Gia Lai    | 32SBN6 |        |        |      |     |         |
| 11 | 29214634607 | Hồ Văn             | Trường    | 30/04/2005 | Đà Nẵng    | 32SBN6 |        |        |      |     |         |
| 12 | 29204659961 | Nguyễn Thị Ngọc    | Yến       | 07/10/2005 | Đà Nẵng    | 32SBN6 |        |        |      |     |         |
| 13 | 29204357086 | Thái Đoàn Ngọc     | Ánh       | 18/05/2005 | Đà Nẵng    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 14 | 28212303527 | Nguyễn Kim         | Bách      | 27/06/2004 | Quảng Ngãi | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 15 | 29204625740 | Lê Thị Quỳnh       | Châu      | 16/02/2005 | Quảng Trị  | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 16 | 28212300134 | Lâm Văn            | Định      | 04/01/2003 | Đắk Lắk    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 17 | 30207363486 | Trần Nguyễn Phương | Doanh     | 11/03/2005 | Đắk Lắk    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 18 | 30217364212 | Võ Thái Hoàng      | Dương     | 10/03/2006 | Khánh Hòa  | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 19 | 26215342418 | Lâm Hà             | Duy       | 29/08/2002 | Đắk Lắk    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 20 | 29204640749 | Nguyễn Thị Mỹ      | Hạnh      | 07/11/2005 | Đà Nẵng    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 21 | 28212300838 | Phạm Ngọc          | Hậu       | 18/11/2004 | Quảng Ngãi | 32SYC5 |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 10/2026**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 16/10/2026 - Phòng : 508A - Cơ sở: 209 Phan Thanh*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN         | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|-------------------|-----------|------------|------------|--------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                   |           |            |            |        |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 29204651119 | Trần Thị Thu      | Hiền      | 10/12/2005 | Quảng Trị  | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 2  | 30207352602 | Võ Thị Thanh      | Hiền      | 22/06/2006 | Gia Lai    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 3  | 29214658551 | Hồ Quốc           | Hoàng     | 23/09/2005 | Đà Nẵng    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 4  | 28212702716 | Vĩnh Bảo          | Hy        | 18/11/2004 | Đà Nẵng    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 5  | 28214645422 | Nguyễn Châu       | Kiệt      | 27/03/2004 | Quảng Trị  | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 6  | 28208144659 | Nguyễn Thị Quỳnh  | Nga       | 02/01/2004 | Quảng Trị  | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 7  | 30217352694 | Đinh Quang        | Nhật      | 06/12/2006 | Quảng Trị  | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 8  | 30207762126 | Phạm Thị Hoài     | Nhi       | 12/10/2006 | Quảng Trị  | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 9  | 29204632591 | Lê Hồ Ngọc        | Thảo      | 07/05/2005 | Đà Nẵng    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 10 | 30207263152 | Vũ Diệu Ngọc      | Trâm      | 10/01/2006 | Gia Lai    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 11 | 30205126933 | Dương Ngọc Phương | Trinh     | 04/03/2006 | Đà Nẵng    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 12 | 28212349802 | Nguyễn Văn        | Trung     | 17/07/2004 | Đà Nẵng    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 13 | 29214634864 | Nguyễn Hữu        | Trung     | 01/12/2005 | Đà Nẵng    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 14 | 28214339358 | Nguyễn Minh       | Tuấn      | 14/10/2004 | Quảng Trị  | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 15 | 29206663818 | Nguyễn Thị        | Xuyến     | 19/10/2005 | Đắk Lắk    | 32SYC5 |        |        |      |     |         |
| 16 | 30206628536 | Đặng Thị Xuân     | Tâm       | 16/02/2005 | Quảng Ngãi | 32THT7 |        |        |      |     | Thi lại |
| 17 | 28212306196 | Hồ Văn            | Phát      | 29/04/2004 | Quảng Nam  | 32TSC5 |        |        |      |     | Thi lại |
| 18 | 29212350424 | Phạm Quang        | Hải       | 19/03/2005 | Đắk Lắk    | 32TSC6 |        |        |      |     | Thi lại |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THI 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**